

NHẬN DIỆN TỪ LÁY ĐÔI TIẾNG VIỆT THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Vũ Tiên Dũng, Nguyễn Huyền Anh
Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Khi phân loại bất kì sự vật, hiện tượng nào trong hiện thực, chúng ta cũng thấy xuất hiện hiện tượng trung gian và hiện tượng trung gian xuất hiện khi phân loại cấu tạo từ tiếng Việt không phải là ngoại lệ. Bài viết trình bày thực tiễn khi nhận diện từ láy đôi tiếng Việt sẽ có một số hiện tượng mà đường ranh giới không rõ ràng với từ đơn và từ ghép, gây ra những khó khăn nhất định cho người dạy, người học. Không phủ định các tiêu chí khoa học để nhận diện từ láy đôi trong tiếng Việt đã được giới Việt ngữ học thừa nhận nhưng bài viết hướng tới thêm tiêu chí định hướng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học có một cách nhìn thực tiễn và thuận lợi hơn khi nhận diện từ láy đôi tiếng Việt trong học tập, nghiên cứu hiện nay cũng như sau này ra trường tác nghiệp.

Từ khóa: Từ láy, từ láy đôi, hiện tượng trung gian, ngành Giáo dục Tiểu học

1. Mở đầu

Trong ngữ pháp cổ điển mà cụ thể là từ pháp có nghiên cứu về cấu tạo từ và từ loại. Nói cụ thể hơn, ngữ pháp của các ngôn ngữ Ấn – Âu cũng như ngữ pháp tiếng Việt đều nghiên cứu về cấu tạo từ và phân loại từ về phương diện cấu tạo thành từ đơn và từ phức; và từ phức được phân chia thành từ ghép và từ láy. Trong khi đó, nhiều công trình nghiên cứu về từ vựng tiếng Việt cũng nghiên cứu cấu tạo từ nhìn từ góc độ ngữ nghĩa và cũng phân chia cấu tạo từ thành từ đơn, từ phức; và từ phức cũng được phân chia thành từ ghép và từ láy. Như vậy, từ vựng học tiếng Việt cũng nghiên cứu cấu tạo từ tiếng Việt.

Có một khuynh hướng nghiên cứu người ta phân biệt nghiên cứu về hình thức và ngữ nghĩa của cấu tạo từ. Trong ngôn ngữ Ấn – Âu, vấn đề cấu tạo từ có liên quan đến hình thái học (Morphology) nên cấu tạo từ đưa về ngữ pháp (Syntax) và thiên về nghiên cứu hình thức của cấu tạo từ, tức là phân loại cấu tạo từ dựa vào số lượng hình vị (morpheme) cấu tạo nên từ. Ở Việt Nam từ những năm 1960 trở lại đây, bên cạnh khuynh hướng nghiên cứu về hình thức cấu tạo từ, một số nhà nghiên cứu Việt ngữ học đã quan tâm nghiên cứu về ngữ nghĩa trong cấu tạo từ tiếng Việt. Như vậy, nghiên cứu cấu tạo từ thiên về ngữ nghĩa thuộc về từ vựng học tiếng Việt. Bên cạnh đó, trong giới Việt ngữ học lại có nhà nghiên cứu phủ nhận sự tồn tại của từ

láy tiếng Việt và trong tiếng Việt chỉ thừa nhận có dạng láy của từ. Quan niệm như vậy không được giới Việt ngữ học chấp nhận.

Nghiên cứu về cấu tạo từ tiếng Việt theo cách nhìn thiên về hình thức cấu tạo hay ngữ nghĩa đều phân chia cấu tạo từ tiếng Việt được làm hai loại: từ đơn, từ phức và từ phức khi căn cứ vào phương thức tạo từ được phân chia thành: từ ghép và từ láy. Xuất phát từ mục đích, căn cứ phân loại khác nhau, các nhà nghiên cứu có thể xây dựng khái niệm từ đơn, từ ghép và từ láy với nội hàm khác nhau.

Bài viết này hướng tới một cách nhìn truyền thống, được giới nghiên cứu thừa nhận rộng rãi là tiếng Việt có từ láy và hướng tới đích giúp cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH) có một hướng tiếp cận về việc nhận diện từ láy đôi tiếng Việt gắn với định hướng nghề nghiệp, phục vụ dạy học cấu tạo từ nói chung và từ láy nói riêng mà hẹp hơn là từ láy đôi.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm, đặc điểm của từ láy

2.1.1. Khái niệm từ láy

Từ điển tiếng Việt giải thích từ láy “là từ đa tiết trong đó một hoặc hai âm tiết có hình thức là láy âm của âm tiết kia” [4,1388]. Giải thích từ láy tiếng Việt như vậy có tính phổ thông, nhấn mạnh yếu tố “láy âm”, để nhận diện nhưng chưa

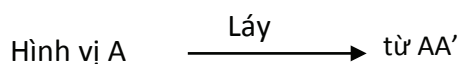
xây dựng được nhiều tiêu chí bản chất để nhận diện từ láy tiếng Việt. Hiện nay, giới Việt ngữ học như Nguyễn Tài Cẩn, Nguyễn Thiện Giáp, Đỗ Hữu Châu, Hoàng Văn Hành, Nguyễn Văn Tu, Đái Xuân Ninh, Đinh Văn Đức, Hồ Lê, Mai Ngọc Chừ, Lê Văn Lý, Hữu Quỳnh... [5,373-381] đưa ra khá nhiều cách hiểu về từ láy với nội hàm không hoàn toàn giống nhau. Các cách hiểu về từ láy tuy có những điểm khác nhau nhưng đều hàm chứa một (hoặc một số) nội dung: từ láy phải có từ hai tiếng (âm tiết) trở lên, tối đa là bốn tiếng, có sự hòa phối về ngữ âm giữa các âm tiết bằng cách lặp lại một bộ phận hay toàn bộ âm tiết và nó có ý nghĩa biểu cảm, gọi tả...

Không có tham vọng xây dựng được một cách hiểu hoàn hảo về từ láy, và trên cơ sở tiếp nhận tư tưởng của nhiều nhà nghiên cứu, chúng tôi cho rằng từ láy là những từ được cấu tạo theo phương thức láy, đó là phương thức lặp lại toàn bộ hay bộ phận ngữ âm; thanh điệu giữ nguyên hay biến đổi theo hai nhóm: nhóm thanh cao (hỏi, sắc, không) và nhóm thanh thấp (huyền, ngã, nặng) của một hình vị hay đơn vị có nghĩa, tạo nên sự hài hòa về ngữ âm, vừa có giá trị biểu cảm, gọi tả. Chẳng hạn, đó là các từ láy như: *xanh xanh, xinh xinh, đỏ đỏ, tím tím, trắng trắng, lạnh lạnh, đen đen, đẹp đẹp, sạch sẽ, bóc bóc, xấu xa, sạch sành sanh, sát sàn sạt, xộp xộp, khít khìn khịt, khắp kha khắp khênh, loanh qua loanh quanh...*

2.1.2. Đặc điểm của từ láy

2.1.2.1. Đặc điểm về cấu tạo

Từ láy được cấu tạo theo phương thức láy. Biểu đồ của phương thức láy là:



(A' có thể lặp lại hoàn toàn về ngữ âm hoặc một bộ phận ngữ âm của A và ta có AA' là từ láy)

Từ láy tiếng Việt khi căn cứ vào số lượng âm tiết, các nhà nghiên cứu thường phân chia thành từ láy đôi: *vui vui, cón con, nhỏ nhắn, xinh xắn, lom khom, lừng khùng, lờ phờ...*; từ láy ba: *dùng dùng dùng, cón còn con...*; từ láy tư: *đồng đả đồng đánh, ẽo à ẽo ợt, thậm thà (thì) thậm thụt...* Trong khuôn khổ bài viết, tác giả

chỉ dành sự quan tâm đến từ láy đôi, dạng từ láy có số lượng lớn và có tính điển hình của từ láy trong tiếng Việt.

2.1.2.2. Đặc điểm về ý nghĩa

Từ láy có ý nghĩa đột biến hoặc ý nghĩa sắc thái hóa. Ý nghĩa đột biến của từ láy là loại ý nghĩa khác biệt hẳn với ý nghĩa của hình vị cơ sở tạo nên từ láy. Ví dụ, từ láy *lọ mọ* thì hình vị cơ sở *mọ* có ý nghĩa là: cụ già (thổ ngữ vùng Sơn Tây) nhưng từ láy *lọ mọ* có ý nghĩa chính là làm việc gì đó chậm chạp, không đàng hoàng hoặc chỉ cách đi của người già. Còn ý nghĩa sắc thái hóa của từ láy là loại ý nghĩa bổ sung, khác với ý nghĩa cơ bản của hình vị cơ sở. Hay nói cách khác, đó là sự lặp lại có biến đổi ít nhiều. Ý nghĩa sắc thái hóa của từ láy có thể tạo nên sự gia tăng ý nghĩa so với hình vị cơ sở khi hình vị láy ở trước có thanh trắc thì cường độ của tính chất tăng lên như: *sạch sẽ* có mức độ khái quát, cao hơn *sạch*; *sạch sành sanh* có nghĩa “[mát, hết] sạch hoàn toàn, không còn sót lại tí gì [cái mà trước đó vốn rất nhiều] “Đồ tể nhuyền, của riêng tây. Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham” (Truyện Kiều)” [2,1092] cao hơn ý nghĩa của hình vị *sạch*; hoặc từ láy có ý nghĩa giảm nhẹ mức độ so với hình vị cơ sở khi hình vị láy ở trước có thanh bằng như: *đềm đẹp* “*Có ấy trông cũng đềm đẹp*” có ý nghĩa là hơi đẹp, *nhè nhẹ* “*Gió thổi nhẹ nhẹ*” có ý nghĩa là hơi nhẹ. Rõ ràng, *đềm đẹp, nhẹ nhẹ* có ý sắc thái hóa giảm nhẹ so với hình vị cơ sở *đẹp* và *nhẹ*. Các từ láy toàn bộ có hình vị cơ sở gốc động từ thì thường kèm theo tính chất giảm nhẹ cường độ của động tác như: *rung rung, cười cười, lắc lắc* v.v...

2.2. Vấn đề nhận diện từ láy đôi trong tiếng Việt

2.2.1. Cách xử lý các hiện tượng trung gian

Trong cuốn *Phép biện chứng tự nhiên*, F. Ăngghen viết: “Phép biện chứng không biết đến những đường phân ranh giới dứt khoát, không còn biết đến hard and fast lines những đường ranh giới tuyệt đối nghiêm ngặt, đến những cái “hoặc là...hoặc là” vô điều kiện và dùng được ở mọi nơi, phép biện chứng làm cho những sự khác biệt siêu hình cố định chuyển hóa lẫn nhau, phép biện chứng đó thừa nhận trong những trường hợp cần thiết, bên cạnh cái “hoặc là...

hoặc là” có cả cái “cả cái này lẫn cái kia” nữa.” (Dẫn theo [3,115]).

Xuất phát từ nền tảng lí luận đó, nhiều nhà ngôn ngữ học hiện nay tiếp cận ngôn ngữ như là một đối tượng có *tâm* và có *biên* (hay có nhà nghiên cứu gọi là “trung tâm” và “ngoại vi”). Ở mỗi bình diện, mỗi bậc của ngôn ngữ cần phải phân biệt những yếu tố cơ bản, điển hình với những yếu tố không cơ bản, điển hình. Những yếu tố cơ bản, điển hình chính là tâm, là hạt nhân (hay còn gọi là điển thể), còn những yếu tố không cơ bản, không điển hình (hay còn gọi là biên thể) chính là biên của mỗi bình diện hay bậc của ngôn ngữ đó. Mối tương quan giữa tâm và biên thể hiện ở các mặt kết cấu, ngữ nghĩa và chức năng của đơn vị ngôn ngữ. Ở mặt kết cấu, tâm là những mô hình chủ đạo trong việc kết hợp các yếu tố, biên là những hiện tượng đi chệch khỏi mô hình đó; ở mặt ngữ nghĩa phạm trù, tâm là những hình thức và ý nghĩa mẫu, biên là hình thức và ý nghĩa có tính chất trung gian; ở mặt chức năng, tâm là những hình thức thường dùng, còn biên là những hình thức ít dùng hơn. Những yếu tố hạt nhân (điển thể) có những đặc trưng cơ bản của một phạm trù nào đó, các yếu tố biên (biên thể) chiếm vị trí trung gian giữa phạm trù này và phạm trù khác [3,115]. Như vậy, hiện tượng trung gian được quy định bởi: (i) những đặc trưng chung mà loại này và loại kia đều có; (ii) những đơn vị vừa có thể mang những đặc trưng riêng của loại này vừa có thể mang những đặc trưng riêng của loại kia, do đó có thể vừa nằm trong loại này, vừa nằm trong loại kia. Đỗ Hữu Châu cho rằng có hai loại trung gian trong lòng ngôn ngữ “Những hiện tượng *trung gian giữa các trạng thái ngôn ngữ kế tiếp* nhau trong lịch sử, những trung gian lịch đại, và những hiện tượng *trung gian giữa những hệ thống đang cùng có hiệu lực* trong một giai đoạn lịch sử, những trung gian đồng đại, đối tượng của ngôn ngữ học đồng đại.” [2,110].

Khi nhận diện các đơn vị từ vựng tiếng Việt, chúng ta cũng bắt gặp những hiện tượng các đơn vị ngôn ngữ mang tính chất trung gian giữa từ với cụm từ tự do, giữa từ đơn với từ phức (từ ghép, từ láy), giữa từ láy với từ ghép v.v...

Trong việc nhận diện từ về mặt cấu tạo, chúng ta phải xác định được các đặc trưng khu

biệt riêng rẽ có thể có, tiêu biểu của từ. Những cấu tạo có tất cả những nét khu biệt chính là các điển tố (từ điển hình) của từ. Những cấu tạo khác của từ mặc dù có thể thiếu nhiều đặc trưng của điển tố nhưng chúng vẫn là biến thể của từ (từ không điển hình).

Xét trong trạng thái ngôn ngữ khi nhận diện từ tiếng Việt, chúng ta cần phải phân biệt những hiện tượng đồng đại và những hiện tượng lịch đại nhưng không nên đối lập hai hiện tượng đó. Nguyễn Thiện Giáp cho rằng “Tính chất thống nhất của đồng đại với lịch đại thể hiện ở cấu trúc có tâm và biên của nó: những khác biệt về mặt lịch sử đã được phản ánh trong sự khác biệt giữa vùng tâm và vùng biên của hệ thống từ vựng.” [3,116].

2.2.2. Nhận diện từ láy đôi

Từ láy đôi trong tiếng Việt được hiểu là các từ láy có hai âm tiết (hai tiếng) và nó thuộc về từ phức. Nhận diện từ láy đôi trong tiếng Việt, Đỗ Hữu Châu lưu ý các trường hợp rắc rối sau đây.

Thứ nhất, đó là những trường hợp hình thức ngữ âm phù hợp với cơ chế về âm, về thanh điệu nhưng không xác định được hình vị cơ sở.

Thứ hai, đó là những trường hợp hình thức ngữ âm phù hợp với cơ chế về ngữ âm nhưng thanh điệu không theo quy tắc nhóm thanh.

Thứ ba, đó là hình thức ngữ âm phù hợp với cơ chế về ngữ âm, đồng thời cả hai âm tiết đều có nghĩa. [2,382-383]

Với ba trường hợp rắc rối mà Đỗ Hữu Châu nêu ra, chúng tôi nhận thấy tùy theo quan niệm và mục đích của các nhà nghiên cứu khác nhau sẽ có những lí giải và kết luận khác nhau. Đây chính là hiện tượng trung gian giữa từ láy với từ đơn, từ láy với từ ghép trong tiếng Việt. Không tham gia vào tranh luận với những vấn đề nêu ra như trên, chúng tôi chỉ hướng tới trình bày quan niệm về việc nhận diện từ láy đôi cho sinh viên ngành GDTH dựa trên hai căn cứ mang tính định hướng sau:

Các âm tiết trong từ láy phải có phù hợp với cơ chế hòa phối về ngữ âm, ngữ nghĩa và quy tắc về nhóm thanh của từ láy;

Nhận diện từ láy phải đảm bảo tính khoa học, lại phải đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với

định hướng nghề nghiệp cho sinh viên ngành GDTH ra trường tác nghiệp.

Nhận diện từ láy đôi trong quá trình học tập, nghiên cứu có tính định hướng nghề nghiệp như vậy sẽ giúp cho sinh viên ngành GDTH sau khi tốt nghiệp ra trường tác nghiệp nhận diện từ láy đôi thuận lợi hơn.

2.3. Nhận diện từ láy đôi theo định hướng nghề nghiệp

Việc nhận diện từ láy đôi với những từ láy nằm ở hiện tượng tâm (điển dạng) không có vấn đề gì cần bàn nhiều vì nó mang đầy đủ các đặc điểm điển hình của từ láy và không có sự nhận diện các từ láy này khác nhau của giới Việt ngữ học. Việc nhận diện từ láy gặp rắc rối chủ yếu hướng vào các từ láy nằm ở hiện tượng biên (biến thể) và những hiện tượng này đang có những cách nhìn nhận khác nhau của giới Việt ngữ học. Không tham gia bình luận về các quan niệm khác nhau của giới nghiên cứu về hiện tượng trung gian của từ láy, chúng tôi hướng tới một định hướng nghề nghiệp nhận diện từ láy đôi nằm ở hiện tượng biên cho sinh viên ngành GDTH Trường Đại học Tây Bắc ra trường tác nghiệp khi hướng dẫn học sinh lớp 4, lớp 5 nhận diện từ láy đôi.

Sách giáo khoa *Tiếng Việt 4, tập một* cho rằng “Phối hợp những tiếng có âm đầu hay vần (hoặc cả âm đầu và vần) giống nhau. Đó là các từ láy” [1,39]. Chúng tôi cho rằng định nghĩa từ láy nhấn mạnh về phương diện ngữ âm như vậy đối với học sinh lớp 4 là phù hợp. Để sinh viên ngành GDTH khi ra trường giảng dạy về từ láy, đặc biệt là hướng dẫn học sinh tiểu học nhận diện từ láy đôi một cách thuận lợi, chúng tôi đề xuất hướng giải quyết về vấn đề nhận diện từ láy đôi như sau.

Trong tiếng Việt, một số từ có hai yếu tố cấu thành có quan hệ với nhau về mặt ngữ âm như: *đu đủ, ba ba, cào cào, châu chấu, chiến chiến, thần thần, thường thường, chèo bẻo, chích chòe...* Các từ láy này, tư cách hình vị của các yếu tố không rõ ràng, không xác định được hình vị cơ sở và có nhà nghiên cứu xác định đây là từ đơn hoặc cụ thể hơn đây là từ đơn có hình thức láy. Nếu nhấn mạnh về phương diện ngữ âm và ở cấp tiểu học thì những từ này có thể xác định đây là từ láy.

Trường hợp các từ tượng thanh có hình thức láy như: *khanh khách, hô hô, hi hi, rinh rích, rúc rích, khúc khích, lách cách, lộp độp, róc rách, cành cạch...* có thể có nhiều cách lí giải khác nhau nhưng căn cứ về phương diện ngữ âm, chúng ta xác định đây là từ láy.

Một số từ mà một trong hai hình vị mất nghĩa (thường là hình vị đứng sau) như: *chùa chiền, tuổi tác, đất đai, thịt thà, hỏi han, chim chóc...* Những từ này nếu xét về lịch đại thì đây là các từ ghép vì các yếu tố đứng sau của các từ này đều có nghĩa (*chiền* có nghĩa chùa, *han* có nghĩa hỏi “Trước xe lơi là *han* chào” (*Truyện Kiều*) v.v..) nhưng nếu xét về đồng đại, các yếu tố đứng sau mờ nghĩa hoặc đã mất nghĩa. Đặc biệt khi nhấn mạnh về phương diện ngữ âm dưới góc độ đồng đại và quy tắc nhóm thanh thì các từ này có thể xác định ở tiểu học là từ láy có ý nghĩa khái quát.

Một số từ như: *hón hờ, vành vạnh, háp háy, đùng đùng, hớn hờ, lẩn cẩn, cấn cấn, ngậm ngùi, bùi ngùi, nom nớp, ăn năn, năn nỉ, lêu têu...* nếu xét ở phương diện đồng đại thì khó xác định được hình vị cơ sở nhưng nó có sự hòa phối về ngữ âm và hài hòa về nhóm thanh nên xác định là từ láy. Với lại, những từ có cấu tạo dạng này nếu xét về lịch đại thì Đỗ Hữu Châu đã xác định được hình vị cơ sở và các từ này được hình thành từ phương thức láy. Ví dụ, yếu tố *vạnh (vành vạnh)* ngày xưa có nghĩa: “Mặt son *vạnh* tựa Hằng Nga” (*Truyện Kiều*), yếu tố *đình (đùng đùng)* ngày xưa hoạt động độc lập, có nghĩa: “Cho nên áo ức kém mùi, đình ngoài đường, đắp chơi bởi ngâm thơ” (*Thiên nam ngữ lục*) [2,384]. Như vậy, những từ này ở tiểu học luôn được xác định là từ láy.

Một số từ mà trên chữ viết không có phụ âm đầu như: *ôn ã, é ăm, ít ỏi, o ép, ăm ực, ồm o...*, xác định được hình cơ sở và một số từ không xác định được hình vị cơ sở như: *áp úng, ẽo ợt, i eo, oái oăm, ỡm ờ...* thì ở tiểu học, những từ này nên xác định là từ láy vì nó phù hợp với quy tắc nhóm thanh của từ láy đôi và có thể lấy phụ âm đầu: zêro.

Một số từ dễ bị hình thức chữ viết đánh lừa như: *cuống quýt, cập kênh, cồng kênh...* thì ở tiểu học có thể xác định là từ láy phụ âm đầu: /k/.

Nhấn mạnh đến yếu tố hòa phối về ngữ âm, quy tắc nhóm thanh và trạng thái ngôn ngữ để nhận diện từ láy đôi là rất cần thiết. Tuy nhiên, chúng ta không nên tuyệt đối hóa các tiêu chí đó dù ở bậc học nào đi chăng nữa. Chẳng hạn, một số từ như: *tốt tươi, mặt mũi, thúng mủng...* tạo cho chúng ta cảm giác các từ này láy phụ âm đầu hoặc phần vần, phù hợp quy tắc nhóm thanh nhưng đây không phải là từ láy mà là từ ghép hợp nghĩa vì các yếu tố cấu tạo nên các từ này hiện nay đều có nghĩa, có quan hệ ngang hàng, bình đẳng với nhau khi xét ở quan hệ kết hợp để cấu tạo từ.

Trong quá trình phân loại, hiện tượng trung gian là hiện tượng có thực, không tránh khỏi. Việc “chỉ ra những ranh giới dứt khoát, không thể vượt qua được” [2,108] ngày càng tỏ ra thiếu cơ sở khoa học vững chắc. Các hiện tượng trung gian trong ngôn ngữ ngày càng xuất hiện nhiều, ngày càng hấp dẫn, thú vị. Nhưng bản thân những hiện tượng trung gian là phức tạp, rắc rối. Cho nên, khi dạy học môn Tiếng Việt trong nhà trường gặp những hiện tượng trung gian cũng cần có những hướng lí giải khoa học, phù hợp với mục tiêu của từng cấp học.

3. Kết luận

Dạy học môn Tiếng Việt trong trường tiểu học vừa trang bị cho học sinh những tri thức khoa học về Việt ngữ học; đồng thời cũng hướng tới mục tiêu rất quan trọng là hình thành năng lực: nói, nghe, đọc, viết cho học sinh. Học sinh học tập tốt môn Tiếng Việt là cơ sở giúp cho các em học tập tốt các bộ môn khoa học khác như: Toán, Khoa học Tự nhiên Xã hội...

Sinh viên ngành GDTH học tập ở Trường Đại học Tây Bắc ngoài việc nắm chắc các tri thức khoa học cơ bản, cũng cần được trang bị thêm các kiến thức có tính chất nâng cao, nắm

vững những hiện tượng trung gian khi phân loại các sự vật, hiện tượng khách quan. Khi phân loại cấu tạo từ trong tiếng Việt, việc nhận diện, xác định được từ đơn, từ láy, từ ghép một cách có căn cứ khoa học, có ý nghĩa quan trọng, góp phần để người dạy, người học hiểu đúng ý nghĩa của từ tiếng Việt.

Khi đang học tập, nghiên cứu ở Trường Đại học Tây Bắc, sinh viên ngành GDTH cũng phải được định hướng nghề nghiệp ở rất nhiều lĩnh vực khác nhau để nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp, trong đó có vấn đề cấu tạo từ tiếng Việt. Vấn đề nhận diện từ láy đôi không phải là vấn đề mới trong ngôn ngữ học nhưng nhận diện từ láy đôi gắn với mục tiêu của từng cấp học, bậc học phù hợp với định hướng nghề nghiệp để sinh viên khi ra trường tác nghiệp, theo chúng tôi luôn có tính thời sự, phù hợp với triết lí đào tạo của Trường Đại học Tây Bắc: “Vững lí thuyết, giỏi thực hành, nhanh vào thực tiễn”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Tiếng Việt 4*, tập một, Nxb Giáo dục.
2. Đỗ Hữu Châu – Đỗ Việt Hùng (2005), Đỗ Hữu Châu tuyển tập, tập một, *Từ vựng – ngữ nghĩa*, Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Thiện Giáp (1998), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
4. Trung tâm từ điển học (2014), *Từ điển tiếng Việt*, In lần thứ sáu, có sửa chữa bổ sung, Nxb Đà Nẵng.
5. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1996), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục.

IDENTIFYING VIETNAMESE DOUBLE REDUPLICATIVE WORDS ACCORDING TO OCCUPATIONAL ORIENTATIONS FOR STUDENTS MAJORED PRIMARY EDUCATION IN TAY BAC UNIVERSITY

Vu Tien Dung, Nguyen Huyen Anh
Tay Bac University

***Abstract:** When classifying any objects or phenomenon in reality, we see the appearance of the intermediate phenomenon and so is the classification of Vietnamese word structure. The article presents a phenomenon of fuzzy line when identifying Vietnamese double reduplicative words between single words and compound ones. Without refuting the widely recognized scientific criteria, the article aims at adding career-oriented criteria to help the students of Primary Education have a more realistic and favorable view when identifying Vietnamese double reduplicative words in current study, research and future career.*

Keywords: Reduplicative words, double reduplicative words, intermediate phenomena, Primary Education.

Ngày nhận bài: 9/12/2019. Ngày nhận đăng: 24/12/2019

Liên lạc: Vũ Tiến Dũng; e-mail: vutiendungtb@gmail.com